

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2022

V/v: “Ly hôn giữa bà N và ông Tr”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Bé Em.

2. Bà Lê Thị Mỹ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố R G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G tham gia phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố R G xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mai N, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: Số 01/50, ấp G G, xã B S, huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Hồ Thanh Tr, sinh năm 1989.

Địa chỉ cư trú: Số 283, đường N C T, phường R S, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 11/12/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Phạm Thị Mai N trình bày: bà N và ông Tr tự nguyện quen nhau đi đến tổ chức lễ cưới và chung sống vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được UBND xã S B, huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/5/2015.

Lý do bà N yêu cầu xin ly hôn: bà N cho rằng do quá trình chung sống tính tình không hợp, bất đồng ý kiến trong cách cư xử, sinh hoạt thường ngày và về kinh tế gia đình, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay cự cãi với nhau; vợ chồng thiếu quan tâm, chăm sóc, thông cảm cho nhau. Cả hai đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cùng xây dựng mái ấm gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, sự cố gắng đó không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Thấy chung sống không hạnh phúc nên đôi bên đã tự ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay, cả hai đã có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy, tình cảm không còn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Tr.

Về con chung: bà N xác nhận có 01 người con chung tên Hồ Huy Khánh, sinh ngày 26/10/2015, hiện đang sống với bà N.

Về tài sản chung, nợ chung: bà N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà N yêu cầu:

Về hôn nhân: bà N yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Thanh Tr.

Về con chung: bà N xác nhận có 01 người con chung tên Hồ Huy Khánh, sinh ngày 26/10/2015. bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa bị đơn ông Hồ Thanh Tr vắng mặt. Tại phiên hòa giải ngày 03/3/2021 ông Tr trình bày ý kiến:

Về hôn nhân: Ông Tr xác nhận trong cuộc sống vợ chồng, ông Tr có nhiều khuyết điểm dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như hiện nay. Tuy nhiên, ông Tr vẫn còn thương vợ con và yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ để có cơ hội khắc phục, sửa chữa khuyết điểm.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Hồ Huy Khánh, sinh ngày 26/10/2015, hiện đang sống với bà N.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Tr xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Tổng đạt Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo phiên tòa hợp lệ, nhưng ông Tr lánh mặt không đến Toà án. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bị đơn ông Hồ Thanh Tr.

[2] Nhận định về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa bà N xác nhận, bà N và ông Tr tự nguyện quen nhau, đi đến chung sống vợ chồng vào năm 2014, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B S, huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/5/2015. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Tr được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng bà N, ông Tr không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc: Xuất phát từ việc tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến; vợ chồng không còn tin tưởng, thông cảm, quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án, ông Tr có yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ để ông Tr có cơ hội sửa chữa khuyết điểm, sai lầm. Tuy nhiên, thực tế ông Tr lại không có bất cứ hành động nào, không đưa ra được phương án nào để vợ chồng có thể hóa giải mâu thuẫn, cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc, mà để mặc mọi việc xảy ra theo tự nhiên và cố tình lánh mặt không đến Tòa án, điều đó cho thấy ông Tr cũng không có thiện chí và mong muốn trong việc hàn gắn lại tình cảm với bà N. Đôi bên cũng đã ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay, cả hai đều đã có cuộc sống riêng và không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông Tr đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N được ly hôn với ông Tr.

[4] Về con chung: Có 01 người con chung tên Hồ Huy Khánh, sinh ngày 26/10/2015. Xét thấy, quá trình trông nom, nuôi dưỡng con chung, bà N đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người mẹ đối với con; đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của con. Vì vậy, để đảm bảo môi trường sống, sự phát triển, quyền lợi mọi mặt của con. Trong phần nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất: Giao người con chung tên Hồ Huy Khánh, sinh ngày 26/10/2015 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Do bà N không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: bà N, ông Tr xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà N phải chịu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Mai N và ông Hồ Thanh Tr.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Hồ Huy Khánh, sinh ngày 26/10/2015 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. bà N không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Ông Tr được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: bà N phải nộp 300.000 đồng. bà N đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008718, ngày 23/12/2020 tại chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R G, nên bà N được khấu trừ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Tr vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- THA DS TP. R G;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa